



Đánh giá thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành dự phòng té ngã cho người bệnh của điều dưỡng tại Bệnh viện Đa khoa Thiện Hạnh và một số yếu tố liên quan năm 2024

Ngô Thị Ngọc Linh¹, Nguyễn Thị Như Hiền¹, Trần Thị Khánh Ly¹,
Trần Thị Ngọc Nhân¹, Nguyễn Bá Tâm², Trương Thị Mai Quyên³

¹Bệnh viện Đa khoa Thiện Hạnh; ²Trường Đại học Phenikaa; ³Bệnh viện Hoàn Mỹ Đà Lạt

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu nhằm mô tả thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành của điều dưỡng về dự phòng té ngã cho người bệnh tại Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh năm 2024 và xác định một số yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang với sự tham gia của 187 điều dưỡng đang làm việc tại Bệnh viện Đa khoa Thiện Hạnh năm 2024 nhằm đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành phòng ngừa té ngã. Dữ liệu được thu thập thông qua bộ câu hỏi tự điền, bao gồm các mục đánh giá về kiến thức, thái độ và thực hành phòng ngừa té ngã. Bộ công cụ được Việt hóa dựa trên nghiên cứu của Han, Lee và Kim (2020), với độ tin cậy cao. Số liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS 25 với thống kê mô tả và phân tích mối liên quan giữa các yếu tố. **Kết quả:** Tỷ lệ điều dưỡng có kiến thức về phòng ngừa té ngã chỉ đạt 42,2%, cho thấy còn một bộ phận đội ngũ điều dưỡng chưa nắm vững các biện pháp cần thiết trong công tác phòng ngừa té ngã. Tỷ lệ điều dưỡng có thái độ tốt đối với phòng ngừa té ngã đạt rất thấp, chỉ chiếm 16%, phản ánh sự thiếu hụt nhận thức tích cực về tầm quan trọng của việc này trong chăm sóc người bệnh. Mặc dù vậy, có 59,4% điều dưỡng thực hành phòng ngừa té ngã đạt mức tốt, tuy nhiên, kết quả này vẫn chưa đồng đều. Kết quả cho thấy thái độ có mối tương quan mạnh với thực hành dự phòng té ngã ($r = 0.614, p < 0.001$), cho thấy thái độ tích cực ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các biện pháp an toàn. Kiến thức có mối tương quan yếu hơn với thực hành ($r = 0.293, p < 0.001$) và thái độ ($r = 0.236, p < 0.01$). **Kết luận:** Nghiên cứu tại Bệnh viện Đa khoa Thiện Hạnh năm 2024 cho thấy kiến thức, thái độ và thực hành phòng ngừa té ngã của điều dưỡng vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt là thái độ chưa thực sự tích cực. Kết quả này nhấn mạnh sự cần thiết của các chương trình đào tạo định kỳ nhằm nâng cao nhận thức, cải thiện thái độ và tăng cường hiệu quả thực hành phòng ngừa té ngã, đặc biệt đối với nhóm điều dưỡng trẻ.

Từ khóa: Đánh giá nguy cơ té ngã, kiến thức, thực hành, thái độ, yếu tố liên quan

Assessment of nurses' knowledge, attitudes and practices regarding fall prevention for patients at Thien Hanh general Hospital and associated factors in 2024

Ngo Thi Ngoc Linh¹, Nguyen Thi Nhu Hien¹, Tran Thi Khanh Ly¹,
Tran Thi Ngoc Nhan¹, Nguyen Ba Tam², Truong Thi Mai Quyen³

¹Thien Hanh General Hospital; ²Phenikaa University; ³Hoan My Da Lat Hospital

ABSTRACT

Objective: The study aims to describe the current state of knowledge, attitude, and practice of nurses on fall prevention for patients at Thien Hanh General Hospital in 2024 and identify some related factors. **Methods:** Cross-sectional descriptive study with the participation of 187 nurses working at Thien Hanh General Hospital in 2024 to evaluate knowledge, attitudes and practices of fall prevention. Data were collected through a self-administered questionnaire, including items assessing knowledge, attitudes and practices of falls prevention. The toolkit is Vietnameseized based on research by Han, Lee and Kim (2020), with high reliability. Data were analyzed using SPSS 25 software with descriptive statistics and analysis of relationships between factors. **Results:** The percentage of nurses with knowledge about fall prevention was only 42.2%, showing that there is still a part of the nursing team that does not master the necessary measures in preventing falls. The percentage of nurses with a good attitude towards fall prevention is very low, only 16%, reflecting a lack of positive awareness about the importance of this practice in patient care. Despite this, 59.4% of nurses practice fall prevention at a good level, however, this result is still uneven. The results show that attitude has a strong correlation with fall prevention practices ($r = 0.614, p < 0.001$), showing that positive attitudes greatly influence the implementation of safety measures. Knowledge has a weaker correlation with practice ($r = 0.293, p < 0.001$) and attitude ($r = 0.236, p < 0.01$). **Conclusion:** Research at Thien Hanh General Hospital in 2024 shows that nurses' knowledge, attitudes and practices of preventing falls are still limited, especially attitudes are not really positive. This result emphasizes the need for periodic training programs to raise awareness, improve attitudes and increase the effectiveness of fall prevention practices, especially for young nurses.

Keywords: Fall risk assessment, knowledge, practice, attitude, related factors

Tác giả: Ngô Thị Ngọc Linh
Email: linhbvtbmt@gmail.com
DOI: 10.54436/jns.2025.03.966

Ngày nhận bài: 24/02/2025
Ngày hoàn thiện: 22/5/2025
Ngày đăng bài: 23/5/2025

ĐẶT VẤN ĐỀ

Té ngã là một trong những sự cố y khoa thường gặp tại các cơ sở điều trị nội trú, đặc biệt ở nhóm người bệnh cao tuổi hoặc có tình trạng sức khỏe suy giảm. Theo Cơ quan Nghiên cứu và Chất lượng Chăm sóc Sức khỏe Hoa Kỳ (AHRQ), ngã được xem là một biến chứng nghiêm trọng trong môi trường bệnh viện và cơ sở chăm sóc dài hạn, với tỷ lệ 3–5 lần ngã trên mỗi 1.000 ngày nằm viện. Ước tính mỗi năm có khoảng 700.000 đến 1 triệu bệnh nhân nội trú bị té ngã tại bệnh viện ¹.

Tại Việt Nam, báo cáo của Bộ Y tế cho thấy té ngã chiếm khoảng 4,6% trong tổng số sự cố y khoa và là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong ở người bệnh ². Nguyên nhân té ngã có thể xuất phát từ các yếu tố thuộc môi trường chăm sóc không an toàn (như nền trơn, thiếu ánh sáng, thiếu tay vịn) hoặc từ yếu tố liên quan đến người bệnh như suy giảm chức năng vận động, tiền sử té ngã, rối loạn cảm giác, sử dụng thuốc an thần, bệnh mạn tính... Trong bối cảnh đó, điều dưỡng viên đóng vai trò then chốt trong việc phòng ngừa té ngã thông qua các hoạt động chăm sóc lâm sàng, theo dõi liên tục, tư vấn và giáo dục người bệnh. Thông tư số 19/2013/TT-BYT của Bộ Y tế đã xác định dự phòng té ngã là một trong bảy nội dung cốt lõi trong bảo đảm an toàn người bệnh ³.

Dù vậy, các nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng kiến thức và thực hành của điều dưỡng về dự phòng té ngã còn hạn chế. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Thúy và cộng sự (2019) cho thấy kiến thức về dự phòng té ngã của điều dưỡng ở mức khá, nhưng phần lớn điều dưỡng thực hành chưa đạt yêu cầu ⁴. Nghiên cứu khác của Võ Thị Khuyên (2023) tại một bệnh viện huyện cũng ghi

nhận tỷ lệ kiến thức và thái độ tích cực về phòng ngừa té ngã cao hơn, nhưng vẫn còn những hạn chế cần khắc phục ⁵. Tại tỉnh Đắk Lắk, nghiên cứu của Phan Thị Huyền Trang (2023) trên nhóm người bệnh lớn tuổi cho thấy tỷ lệ nguy cơ té ngã cao, đặc biệt ở những người có tiền sử té ngã hoặc mắc nhiều bệnh lý mạn tính ⁶.

Hiện nay, Bệnh viện Đa khoa Thiện Hạnh, một cơ sở y tế lớn tại tỉnh Đắk Lắk, có hơn 500 người bệnh nội trú mỗi ngày, tương đương với 182.500 ngày nằm viện mỗi năm. Trong hai năm qua, bệnh viện đã ghi nhận một số trường hợp té ngã, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh với mức độ từ nhẹ đến nặng. Tuy nhiên, hiện tại vẫn chưa có nghiên cứu hoặc thống kê nào đánh giá về kiến thức, thái độ và thực hành của đội ngũ điều dưỡng trong công tác dự phòng té ngã cho người bệnh. Việc nghiên cứu vấn đề này là cần thiết để đánh giá thực trạng hiện tại và từ đó đề xuất các biện pháp cải thiện. Nâng cao hiểu biết và thực hành của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã không chỉ giúp bảo vệ sức khỏe người bệnh, mà còn giảm thiểu chi phí điều trị, giảm thời gian nằm viện và góp phần xây dựng môi trường chăm sóc an toàn hơn. Do đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu *“Đánh giá thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành dự phòng té ngã cho người bệnh của điều dưỡng tại Bệnh viện Đa khoa Thiện Hạnh và một số yếu tố liên quan, năm 2024”* với mục tiêu: *Mô tả thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành dự phòng té ngã cho người bệnh của điều dưỡng và xác định một số yếu tố liên quan*. Kết quả của nghiên cứu này được mong đợi sẽ cung cấp dữ liệu cần thiết để xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa và cải thiện chất lượng chăm sóc.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

Đối tượng nghiên cứu: Điều dưỡng đang làm việc toàn thời gian tại Bệnh viện

Đa khoa Thiện Hạnh trong thời gian từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2024.

Tiêu chuẩn lựa chọn: Điều dưỡng chính thức, đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Những điều dưỡng vắng mặt trong thời gian thu thập số liệu do nghỉ thai sản, đi học dài hạn (> 3 tháng), hoặc là điều dưỡng trưởng khoa.

Cỡ mẫu và chọn mẫu: Chọn toàn bộ điều dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn. Phương pháp chọn mẫu thuận tiện đã thu thập 187 điều dưỡng trong thời gian từ tháng 6/2023 đến tháng 9/2023.

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

Biến số và công cụ nghiên cứu: Công cụ nghiên cứu gồm 52 câu hỏi được chia thành 4 mục:

- Mục 1 gồm 12 câu hỏi về đặc điểm chung và đặc điểm liên quan đến té ngã.

- Mục 2 gồm 14 câu hỏi về kiến thức của điều dưỡng về té ngã: NC này sử dụng các công cụ đo lường kiến thức té ngã của của Han⁷ được tham khảo từ bộ câu hỏi Lee⁸ phát triển từ bộ câu hỏi của Kim⁹. Tổng điểm từ 0 đến 14, điểm càng cao thì kiến thức về phòng ngừa té ngã cho NB của ĐD càng cao, điểm đạt $\geq 11,2$ điểm và chưa đạt < 11,2 điểm¹⁰.

- Mục 3 gồm 13 câu hỏi về thái độ của điều dưỡng về té ngã: NC này sử dụng các công cụ đo lường kiến thức té ngã của Han⁷ đã phát triển và sửa đổi, bổ sung từ Kim⁹. Bộ câu hỏi gồm 13 câu hỏi theo thang đo Likert 5 điểm từ “Rất không đồng ý” đến “Hoàn toàn đồng ý”. Tổng điểm dao động từ tối thiểu là 13 đến tối đa là 65. Điểm càng cao thì mức độ quan tâm đến việc phòng ngừa té ngã cho NB và việc thực hiện nó càng cao, điểm đạt ≥ 52 điểm và chưa đạt < 52 điểm⁵.

- Mục 4 gồm 13 câu hỏi về thực hành của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã: NC này sử dụng các công cụ đo lường kiến thức té ngã của của Han⁷ đã phát triển và sửa đổi, bổ sung từ Kim⁹. Trong nghiên cứu Han⁷, độ tin cậy Cronbach's α lần lượt là 0,94; 0,90 và 0,68. Bộ câu hỏi gồm 13 câu hỏi liên quan đến các hành động phòng ngừa té ngã có thể xảy ra trong bệnh viện theo thang đo Likert 5 điểm. Trong đó, 5 điểm cho “rất tốt”, 4 điểm cho “có”, 3 điểm cho “bình thường”, 2 điểm cho “không thực sự” đến “không tốt lắm”. Điểm tối thiểu 13 đến tối đa 65, điểm càng cao cho thấy thực hành các hoạt động phòng ngừa té ngã cho NB càng tốt, điểm đạt $\geq 52,25$ điểm và chưa đạt < 52,25 điểm¹¹.

Bản Việt hóa đã được tác giả dịch và đánh giá bởi 5 chuyên gia về ngôn ngữ và điều dưỡng thực hiện với chỉ số giá trị nội dung (CVI) là 0,95. Thử nghiệm trên 30 đối tượng nghiên cứu cho hệ số KR-20 là 0,84 với kiến thức và Cronbach's alpha 0,91 và 0,86 với thái độ và thực hành, khẳng định tính nhất quán nội tại mạnh mẽ của các mục trong các nội dung tương ứng của chúng.

Phương pháp thu thập số liệu: Phỏng vấn dựa vào bộ câu hỏi đã được sử dụng.

Phân tích số liệu: Dữ liệu được làm sạch và phân tích bằng SPSS/WIN 22.0. Phân tích mô tả được sử dụng để xác định tần số và tỷ lệ %. Phân tích Chi-square, OR và Spearman đã được sử dụng để đánh giá mối liên quan giữa kiến thức, thái độ, thực hành và các yếu tố liên quan.

Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu được Hội đồng Khoa học Bệnh viện Thiện Hạnh phê duyệt. Đối tượng tham gia được thông báo về mục tiêu, lợi ích, rủi ro và quyền bảo mật thông tin. Việc tham gia là tự nguyện, không gây bất lợi nếu từ chối hoặc rút lui.

KẾT QUẢ

Nghiên cứu tiến hành trên 187 nhân viên, bao gồm 159 điều dưỡng (85,0%) và 28 hộ sinh (15,0%). Tỷ lệ nữ giới chiếm đa số với 170 người (90,9%), trong khi nam giới chỉ có 17 người (9,1%). Đối tượng tham gia chủ yếu nằm trong độ tuổi từ 29 đến 34 (77 người, 41,2%) và từ 23 đến 28 (62 người, 33,2%), với độ tuổi trung bình là 32 ± 7 tuổi. Đặc biệt, có 63 người (33,7%) có kinh nghiệm lâm sàng trên 10 năm và 77 điều dưỡng (41,2%) có kinh nghiệm từ 3 đến 10 năm.

Về trình độ học vấn, phần lớn điều dưỡng có bằng cao đẳng (108 người, 57,8%), tiếp theo là đại học (78 người, 41,7%). Phân bố theo khoa cho thấy Khoa Cấp cứu và Đơn vị Thận nhân tạo có số lượng nhân viên cao nhất (30 người, 16,0%), trong khi Khoa Ngoại Tổng hợp có tỷ lệ thấp nhất (6 người, 3,2%).

Về đào tạo phòng ngừa té ngã, có 99 điều dưỡng (52,9%) đã được đào tạo trong năm qua và 108 người (57,8%) đã được đào tạo trong năm trước, chủ yếu qua các khóa đào tạo nội bộ của bệnh viện (79 người, 42,2%). Đặc biệt, 77 điều dưỡng (41,2%) đã từng gặp trường hợp người bệnh té ngã trong quá trình chăm sóc và 17 người (9,1%) đã gặp các trường hợp té ngã nhiều hơn hai lần.

Bảng 1. Kiến thức, thái độ và thực hành của điều dưỡng về dự phòng té ngã

	Nội dung	n	%
Kiến thức	Chưa đạt < 11,2 điểm (80%)	108	57,8
	Đạt \geq 11.2 điểm (80%)	79	42,2
	Tổng	187	100,0
Thái độ	Chưa đạt < 52 điểm (80%)	157	84,0
	Đạt \geq 52 điểm (80%)	30	16,0
	Tổng	187	100,0
Thực hành	Chưa đạt < 52,25 điểm (85%)	76	40,6
	Đạt \geq 52,25 điểm (85%)	111	59,4
	Tổng	187	100,0

Bảng 1 cho thấy sự phân hóa rõ rệt trong kiến thức, thái độ và thực hành của điều dưỡng về dự phòng té ngã. Hơn một nửa (57,8%) điều dưỡng chưa đạt kiến thức yêu cầu. Về thái độ, đa số (84%) có thái độ chưa tốt, chỉ 16% đạt mức tốt. Thực hành có kết quả khả quan hơn, với 59,4% đạt yêu cầu nhưng vẫn còn 40,6% chưa đạt.

Bảng 2. Mối liên quan giữa đặc điểm chung, kinh nghiệm, đào tạo với kiến thức của điều dưỡng về dự phòng té ngã

Đặc điểm	Đạt n; (%)	Chưa Đạt; n (%)	Tổng	OR/Chi-square	p
Nhóm tuổi					
Từ 23 - 28	16 (25,8)	46 (74,2)	62		
Từ 29 - 34	39 (50,6)	38 (49,4)	77	10,28	< 0,01*
Từ 35 trở lên	24 (50,0)	24 (50,0)	48		
Giới tính					
Nam	5 (29,4)	12 (70,6)	17	0,54	0,31**
Nữ	74 (43,5)	96 (56,5)	170		
Trình độ học vấn					
Đại học	30 (38,5)	48 (61,5)	78	0,77	0,45**
Cao đẳng/Trung cấp	49 (44,4)	60 (55,6)	109		
Khoa, đơn vị					
Khoa Nội, ĐV HSTC, Ngoại TH	9 (45,0)	11 (55,0)	20		
Khoa CTCH	12 (63,2)	7 (36,8)	19		
Khoa PT-GMHS	9 (36,0)	16 (64,0)	25	3,36	0,03*
Khoa Phụ sản	12 (44,4)	15 (55,6)	27		
Khoa Cấp cứu, ĐV TNT, Nhi	17 (43,5)	22 (56,4)	39		
Khoa khác	20 (35,1)	37 (64,9)	57		
Kinh nghiệm về té ngã					
Có	35 (45,5)	42 (54,5)	77	1,25	0,45**
Không	44 (40,0)	66 (60,0)	110		
Tập huấn về té ngã					
Có	46 (46,5)	53 (53,5)	99	1,45	0,22**
Không	33 (37,5)	55 (62,5)	88		

*: Phân tích Chi-square; **: Phân tích OR

Chỉ có nhóm tuổi và khoa công tác có mối liên quan ý nghĩa thống kê với kết quả đạt/chưa đạt ($p < 0,05$), cho thấy người lớn tuổi và làm việc tại một số khoa có tỷ lệ đạt cao hơn. Các yếu tố như giới tính, trình độ học vấn, kinh nghiệm té ngã và tập huấn không ảnh hưởng rõ rệt đến kết quả.

Bảng 3. Mối liên quan giữa đặc điểm chung với thái độ của điều dưỡng về dự phòng té ngã

Đặc điểm	Tốt; n (%)	Chưa Tốt; n (%)	Tổng	OR/Chi-square	p
Nhóm tuổi					
Từ 23 - 28	12 (19,4)	50 (80,6)	62		
Từ 29 - 34	13 (16,9)	64 (83,1)	77	1,53	0,22*
> 35	5 (12,1)	43 (87,9)	48		
Giới tính					
Nam	3 (17,4)	14 (82,6)	17		
Nữ	27 (15,9)	143 (84,1)	170	1,14	0,73**
Trình độ học vấn					
Đại học	10 (12,8)	68 (87,2)	78		
Cao đẳng/trung cấp	20 (18,5)	89 (81,5)	109	0,54	0,42**
Khoa, đơn vị					
Khoa Nội, ĐV HSTC, Ngoại TH	5 (25,0)	15 (75,0)	20		
Khoa Chấn thương	2 (10,5)	17 (89,4)	19		
Khoa Phẫu thuật	3 (12,0)	22 (88,0)	25	5,61	0,02*
Khoa Phụ sản	6 (22,2)	21 (77,8)	27		
Khoa Cấp cứu, ĐV TNT, khoa Nhi	3 (0,07)	36 (92,3)	39		
Khoa khác	11 (19,2)	46 (80,7)	57		
Kinh nghiệm té ngã					
Có	14 (18,3)	63 (81,8)	77		
Không	16 (14,5)	94 (85,5)	110	1,31	0,55**
Tập huấn té ngã					
Có	19 (19,2)	80 (80,8)	99		
Không	11 (12,5)	77 (87,5)	88	1,66	0,24**

*: Phân tích Chi-square; **: Phân tích OR

Nhóm tuổi không có sự khác biệt có ý nghĩa về thái độ dự phòng té ngã ($p = 0,22$). Các yếu tố khác như giới tính, trình độ học vấn và tập huấn té ngã không có sự khác biệt có ý nghĩa về thái độ ($p > 0,05$). Đặc biệt, khoa, đơn vị có sự phân bố không đều về thái độ, với các khoa như Khoa Phụ sản có tỷ lệ thái độ tốt cao hơn ($p = 0,02$).

Bảng 4. Mối liên quan giữa đặc điểm chung với thực hành của điều dưỡng về dự phòng té ngã

Đặc điểm	Tốt; n (%)	Chưa Tốt; n (%)	Tổng	OR/Chi-square	p
Nhóm tuổi					
Từ 23 - 28	35 (56,5)	27 (43,5)	62		
Từ 29 - 34	48 (62,3)	29 (37,7)	77	1,04	0,31*
Từ 35 trở lên	28 (58,3)	20 (41,7)	48		
Giới tính					
Nam	8 (47,1)	9 (52,9)	17		
Nữ	103 (60,6)	67 (39,4)	170	0,58	0,30**
Trình độ học vấn					
Đại học	47 (60,3)	31 (39,7)	78		
Cao đẳng/trung cấp	64 (58,7)	45 (41,3)	109	1,07	0,88**
Khoa, đơn vị					
Khoa Nội, ĐV HSTC, Ngoại TH, Nhi	13 (65,0)	7 (35,0)	20		
Khoa CTCH	10 (52,6)	9 (47,4)	19		
Khoa PT – GMHS	16 (64,0)	9 (36,0)	25		
Khoa Phụ sản	15 (55,6)	12 (44,4)	27	14,26	0,47*
Khoa Cấp cứu, ĐV TNT	10 (33,3)	20 (66,7)	30		
Các khoa khác	47 (71,2)	19 (28,3)	66		
Kinh nghiệm té ngã					
Có	38 (49,4)	39 (50,6)	77		
Không	73 (66,4)	37 (33,6)	110	0,49	0,02**
Tập huấn về dự phòng té ngã					
Có	59 (59,6)	40 (40,4)	99		
Không	52 (59,1)	36 (40,9)	88	1,0	0,9**

*: Phân tích Chi-square; **: Phân tích OR

Chỉ có kinh nghiệm về té ngã có mối liên quan ý nghĩa thống kê với thực hành phòng ngừa té ngã của điều dưỡng ($p = 0,02$), cho thấy điều dưỡng từng gặp sự cố té ngã có tỷ lệ thực hành tốt thấp hơn. Các yếu tố khác như tuổi, giới, trình độ học vấn, khoa công tác, tập huấn không có liên quan rõ rệt đến thực hành ($p > 0,05$).

Bảng 5. Mối tương quan giữa thái độ, kiến thức, tuổi, kinh nghiệm và khối lượng công việc với thực hành phòng ngừa té ngã

Biến	Thực hành	Thái độ	Kiến thức	Tuổi	Kinh nghiệm	Số lượng NB/NVYT
Thái độ	0,616**	-				
Kiến thức	0,181*	0,140	-			
Tuổi	0,139	0,065	0,269**	-		
Kinh nghiệm làm việc	0,068	0,063	0,223**	0,832**	-	
Số lượng NB/NVYT mỗi ngày	0,176*	0,085	0,066	0,035	0,048	-

Phân tích Spearman

* $p < 0,05$, ** $p < 0,01$

NB/NVYT: người bệnh/nhân viên y tế được phân công chăm sóc/ngày

Thái độ có mối tương quan chặt chẽ và ý nghĩa với thực hành phòng ngừa té ngã ($r = 0,616$, $p < 0,01$). Kiến thức tương quan yếu nhưng có ý nghĩa với thực hành ($r = 0,181$, $p < 0,05$). Tuổi và kinh nghiệm liên quan chặt chẽ với nhau ($r = 0,832$, $p < 0,01$). Số lượng người bệnh được phân công có ảnh hưởng nhẹ đến thực hành ($r = 0,176$, $p < 0,05$).

BÀN LUẬN

Kiến thức, thái độ và thực hành về dự phòng té ngã: Nghiên cứu đã chỉ ra sự chênh lệch đáng kể giữa ba khía cạnh kiến thức, thái độ và thực hành của điều dưỡng về dự phòng té ngã. Kết quả cho thấy chỉ 42,2% điều dưỡng đạt kiến thức tốt, tỷ lệ này thấp hơn nhiều so với nghiên cứu của Lê Thị Ngọc Hạnh và cộng sự (88,3%)¹¹ và với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thúy và cộng sự (61,7%) (4) hoặc nghiên cứu của Sania Said Ghanim và cộng sự (62,0%)¹². Sự chênh lệch này có thể xuất phát từ khác biệt trong chương trình đào tạo, môi trường thực hành lâm sàng, cũng như mức độ nhấn mạnh của từng cơ sở y tế đối với công tác dự phòng té ngã. Điều này nhấn mạnh vai trò quan trọng của đào tạo liên tục nhằm củng cố kiến thức nền tảng, đảm bảo điều dưỡng nhận thức đầy đủ các yếu tố nguy cơ và biện pháp phòng ngừa té ngã.

Về thái độ, 16% điều dưỡng có thái độ chưa tích cực trong dự phòng té ngã,

tỷ lệ này thấp hơn của Lê Thị Ngọc Hạnh (33,3%)¹¹ và thấp hơn rất nhiều so với nghiên cứu của Võ Thị Khuyên và cộng sự (76,5% có thái độ tích cực)⁵. Điều này gợi ý rằng ngoài việc cải thiện kiến thức, cần có các biện pháp thay đổi nhận thức và thúc đẩy thái độ tích cực của điều dưỡng đối với vai trò của họ trong việc bảo đảm an toàn cho người bệnh. Theo Jeon H môi trường làm việc và hệ thống hỗ trợ tại bệnh viện có vai trò lớn trong việc định hình thái độ của nhân viên y tế, do đó các chính sách khuyến khích sự chủ động và trách nhiệm của điều dưỡng trong phòng ngừa sự cố là cần thiết⁴.

Thực hành dự phòng té ngã của điều dưỡng đạt mức khá với 59,4%, cao hơn kiến thức và thái độ. Tuy nhiên, kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu Lê Thị Ngọc Hạnh (85%)¹¹ và Sania Said Ghanim (61,0%)¹² nhưng lại cao hơn so với nghiên cứu Nguyễn Thị Thúy (17,1%)⁴. Điều này cho thấy điều dưỡng thường dựa vào kinh nghiệm lâm sàng hoặc các hướng dẫn cụ thể

tại bệnh viện để thực hiện biện pháp phòng ngừa. Tuy nhiên, như nghiên cứu của Phan Thị Huyền Trang đã chỉ ra, thực hành không đi kèm với nền tảng kiến thức vững chắc dễ dẫn đến sự máy móc, thiếu linh hoạt và kém hiệu quả trong các tình huống đa dạng⁶. Vì vậy, cần có các chương trình đào tạo thực tế kết hợp lý thuyết và tình huống lâm sàng để cải thiện cả thực hành và kiến thức.

Một số yếu tố liên quan tới kiến thức, thái độ, thực hành của điều dưỡng về dự phòng té ngã cho người bệnh: Kết quả từ bảng 1 cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa giữa nhóm tuổi và kiến thức về dự phòng té ngã, với nhóm tuổi từ 29-34 có tỷ lệ đạt kiến thức cao hơn ($p < 0,01$). Kết quả này không tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thúy và cộng sự⁴ ($\chi^2 = 4,003$; $p > 0,05$) hay Võ Thị Khuyên và cộng sự⁵ cho rằng điều dưỡng có thâm niên công tác 10 năm có kiến thức tốt cao hơn nhóm điều dưỡng còn lại ($OR = 2,82$). Điều này có thể giải thích bởi sự tích lũy kinh nghiệm và kiến thức qua năm tháng công tác. Các điều dưỡng trong độ tuổi này đã có đủ thời gian để tham gia vào các khóa đào tạo và tích lũy kinh nghiệm thực tế, giúp họ nhận thức rõ hơn về các biện pháp phòng ngừa té ngã. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là các nhóm tuổi khác thiếu kiến thức, mà có thể do độ tuổi trẻ hơn (23-28 tuổi) vẫn còn thiếu kinh nghiệm thực tế hoặc chưa tham gia đầy đủ các khóa đào tạo chuyên sâu về dự phòng té ngã.

Các yếu tố như giới tính, trình độ học vấn, kinh nghiệm về té ngã và việc tham gia tập huấn về té ngã không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Kết quả tương đồng với tác giả Nguyễn Thị Thúy và cộng sự⁴ ($\chi^2 = 0,934$; $p > 0,05$). Điều này gợi ý rằng dù điều dưỡng có tham gia tập huấn hay có kinh nghiệm về té ngã, họ vẫn có thể

thiếu kiến thức lý thuyết đầy đủ để áp dụng vào thực tế. Việc tham gia các khóa đào tạo và tập huấn có thể không đủ để tạo ra sự khác biệt rõ rệt về kiến thức nếu các chương trình đào tạo chưa được cập nhật hoặc chưa phù hợp với thực tế tại các khoa, phòng ban. Đặc biệt, đối với điều dưỡng mới ra trường hoặc chưa có kinh nghiệm thực tế, việc thiếu kiến thức lý thuyết và kinh nghiệm thực hành có thể làm giảm hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa té ngã.

Mặc dù có sự phân bố khác nhau về tỷ lệ kiến thức giữa các khoa, nhưng không có sự khác biệt rõ rệt về kiến thức giữa các khoa ($p = 0,06$). Điều này có thể xuất phát từ việc mỗi khoa có đặc thù và yêu cầu công việc khác nhau, dẫn đến sự tập trung vào các vấn đề sức khỏe khác nhau. Các khoa như Khoa Phụ sản, Khoa Cấp cứu hay Khoa Nhi có thể không ưu tiên việc đào tạo về dự phòng té ngã do các yếu tố chăm sóc đặc thù, trong khi các khoa khác như Khoa Nội hay Ngoại có thể nhấn mạnh hơn vào việc phòng ngừa té ngã do đặc điểm của bệnh nhân và điều kiện công việc. Kết quả này tương tự nghiên cứu Võ Thị Khuyên và cộng sự⁵ với điều dưỡng khối nội khoa có kiến thức tốt cao hơn hai nhóm còn lại ($OR = 5,05$). Theo tác giả Nguyễn Thị Thúy và cộng sự⁴ thì có sự khác nhau giữa khối Ngoại và khối Nội về kiến thức sự phòng té ngã với $\chi^2 = 16,703$; $p < 0,05$. Do đó, để cải thiện kiến thức dự phòng té ngã, các chương trình đào tạo cần được thực hiện một cách đồng bộ và phù hợp với từng khoa, đơn vị.

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm tuổi không có sự khác biệt có ý nghĩa về thái độ dự phòng té ngã ($p = 0,22$), điều này có thể do thái độ phần lớn phụ thuộc vào môi trường làm việc và văn hóa bệnh viện hơn là độ tuổi. Tuy nhiên, điều dưỡng có kinh nghiệm về té ngã có thái độ tốt hơn 2,21 lần so với những người không có kinh nghiệm

($p = 0,005$), cho thấy trải nghiệm thực tế giúp nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm trong dự phòng té ngã. Các yếu tố như giới tính, trình độ học vấn, và tập huấn té ngã không tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa ($p > 0,05$), điều này có thể lý giải do thái độ bị ảnh hưởng chủ yếu bởi trải nghiệm lâm sàng và nhận thức cá nhân hơn là kiến thức lý thuyết. Đặc biệt, sự khác biệt giữa các khoa là rõ rệt, với Khoa Phụ sản có tỷ lệ thái độ tốt cao hơn ($p = 0,02$), có thể do đặc thù công việc yêu cầu nghiêm ngặt và ý thức cao trong việc đảm bảo an toàn cho thai phụ và trẻ sơ sinh.

Về thực hành, không có sự khác biệt rõ rệt theo nhóm tuổi ($p = 0,6$) nhưng có một xu hướng cho thấy điều dưỡng nữ có tỷ lệ thực hành tốt hơn (60,6%). Theo tác giả Nguyễn Thị Thúy và cộng sự⁴ thì có sự khác biệt và nữ tốt hơn nam ($\chi^2 = 6,491$; $p < 0,05$). Kết quả cũng cho thấy rằng điều dưỡng có kinh nghiệm về té ngã thực hiện các biện pháp phòng ngừa tốt hơn ($OR = 2,0$), cho thấy rằng trải nghiệm trực tiếp đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện thực hành dự phòng té ngã và những người có trải nghiệm là nhân tố truyền đạt kiến thức và kinh nghiệm về dự phòng té ngã cho các nhóm khác. Kết quả cho thấy không có mối liên quan giữa thực hành với giới tính, nhóm tuổi, khoa công tác và kinh nghiệm được tập huấn, kết quả này tương đồng với tác giả Nguyễn Thị Thúy và cộng sự⁴ với $p > 0,05$. Tuy nhiên khác với tác giả Đinh Thị Thu Hằng¹⁰, với tuổi, thâm niên công tác và cập nhật kiến thức có liên quan đến kiến thức đánh giá nguy cơ té ngã của điều dưỡng. Các chương trình đào tạo cũng không có sự khác biệt đáng kể về thực hành dự phòng té ngã, điều này cho thấy rằng có thể cần cải thiện chất lượng hoặc phương pháp đào tạo để tăng cường khả năng thực hành của điều dưỡng.

Kết quả phân tích cho thấy thái độ của điều dưỡng có mối tương quan mạnh với thực hành phòng ngừa té ngã ($r = 0,616$; $p < 0,01$), trong khi kiến thức có tương quan yếu hơn nhưng vẫn có ý nghĩa thống kê ($r = 0,181$; $p < 0,05$). Điều này phù hợp với mô hình KAP (Knowledge–Attitude–Practice), cho rằng thái độ tích cực là yếu tố trung gian quan trọng giúp chuyển hóa kiến thức thành hành động thực tế. So sánh với nghiên cứu của Hassan và cộng sự (2024) tại Ai Cập, cũng ghi nhận mối tương quan chặt chẽ giữa kiến thức và thực hành ($r = 0,625$; $p = 0,001$), cho thấy xu hướng tương đồng về vai trò của kiến thức trong cải thiện thực hành phòng ngừa té ngã¹³. Ngoài ra, nghiên cứu của Wen và cộng sự (2025) tại Trung Quốc cho thấy điều dưỡng có điểm thực hành cao hơn nữ hộ sinh, nhưng điểm thái độ lại thấp hơn, gợi ý rằng thái độ tích cực có thể là yếu tố thúc đẩy thực hành hiệu quả¹⁴.

Mối tương quan cao giữa tuổi và kinh nghiệm làm việc ($r = 0,832$; $p < 0,01$) là điều dễ hiểu, phản ánh quá trình tích lũy kinh nghiệm theo thời gian. Tuy nhiên, mối tương quan yếu giữa kinh nghiệm và thực hành ($r = 0,068$; $p > 0,05$) cho thấy rằng kinh nghiệm làm việc không nhất thiết đảm bảo thực hành tốt, nếu không có thái độ tích cực và kiến thức cập nhật. Đáng chú ý, khối lượng công việc (số lượng người bệnh cấp 1 được phân công chăm sóc trung bình/ngày) có tương quan yếu với thực hành ($r = 0,176$; $p < 0,05$), cho thấy áp lực công việc có thể ảnh hưởng đến khả năng thực hiện biện pháp phòng ngừa, mặc dù mức độ ảnh hưởng không lớn.

Những phát hiện này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đào tạo điều dưỡng không chỉ về kiến thức mà còn về thái độ đối với việc đảm bảo an toàn cho người bệnh. Các chương trình đào tạo về dự phòng té ngã nên chú trọng không chỉ vào việc cung

cấp kiến thức mà còn phải tạo động lực và thay đổi thái độ của điều dưỡng. Đặc biệt, việc nâng cao nhận thức và xây dựng thái độ tích cực đối với vai trò của điều dưỡng trong việc phòng ngừa té ngã sẽ góp phần quan trọng vào việc cải thiện chất lượng chăm sóc và giảm thiểu các tai nạn liên quan đến té ngã cho người bệnh.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy kiến thức, thái độ và thực hành dự phòng té ngã của điều dưỡng tại Bệnh viện Đa khoa Thiện Hạnh còn nhiều hạn chế, đặc biệt là ở khía cạnh thái độ và kiến thức. Tỷ lệ điều dưỡng đạt kiến thức tốt chỉ 42,2%, thái độ tích cực đạt 16%, trong khi thực hành ở mức khá (59,4%). Thái độ có mối tương quan chặt chẽ và ý nghĩa với thực hành, cho thấy vai trò trung gian quan trọng trong chuyển hóa kiến thức thành hành động. Một số yếu tố cá nhân như tuổi và kinh nghiệm có ảnh hưởng nhất định đến kiến thức và thái độ, nhưng không phải là yếu tố quyết định duy nhất. Kết quả cũng cho thấy khối lượng công việc có thể ảnh hưởng đến thực hành, nhưng ở mức độ yếu. Việc từng có kinh nghiệm xử lý sự cố té ngã giúp cải thiện thái độ và thực hành, tuy nhiên không thay thế được nhu cầu đào tạo chính quy và định kỳ. Những phát hiện này nhấn mạnh sự cần thiết của các chương trình đào tạo điều dưỡng toàn diện, không chỉ cung cấp kiến thức mà còn tập trung vào việc xây dựng thái độ tích cực và nâng cao nhận thức về vai trò của điều dưỡng trong bảo đảm an toàn người bệnh, từ đó nâng cao hiệu quả dự phòng té ngã trong thực hành lâm sàng.

KHUYẾN NGHỊ

Để nâng cao hiệu quả dự phòng té ngã cho người bệnh, cần cải thiện chương trình đào tạo cho điều dưỡng, kết hợp lý thuyết và thực hành để nâng cao kiến thức và kỹ năng.

Đồng thời, các chương trình khuyến khích thái độ tích cực và trách nhiệm của điều dưỡng trong phòng ngừa té ngã cần được triển khai, đặc biệt thông qua các hoạt động thực tế và trao đổi kinh nghiệm. Cũng nên khuyến khích điều dưỡng có kinh nghiệm chia sẻ kiến thức và thực hành với đồng nghiệp ít kinh nghiệm hơn. Cuối cùng, cải thiện môi trường làm việc hỗ trợ và động viên sẽ giúp điều dưỡng phát triển cả về kiến thức và thái độ, từ đó cải thiện hiệu quả thực hành phòng ngừa té ngã.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. AHRQ. Falls2019. Available from: <https://psnet.ahrq.gov/primer/falls>.
2. Bộ Y tế, Tài liệu đào tạo liên tục về an toàn người bệnh, 2013.
3. Bộ Y tế, Thông tư số 31/2021/TT-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2021. 2021.
4. Nguyễn Thị Thúy. Thực trạng kiến thức và thực hành về phòng ngừa té ngã cho người bệnh của điều dưỡng tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam. Tạp chí Khoa học Điều dưỡng. 2019:55-60.
5. Võ Thị Khuyên, Đỗ Thị Hà. Thực trạng kiến thức và thái độ của điều dưỡng trong phòng ngừa té ngã cho người bệnh tại bệnh viện huyện Củ Chi. Tạp chí nghiên cứu y học. 2023:200-12. <https://doi.org/10.52852/tencyh.v172i11.2111>.
6. Phan Thị Huyền Trang, Đinh Hữu Hùng, Quyên NTK. Nguy cơ té ngã ở bệnh nhân cao tuổi đang điều trị nội trú tại Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên. Tạp chí khoa học Đại học Tây Nguyên. 2022;57:16. <https://doi.org/10.5281/zenodo.7792853>.
7. Han YH, Kim HY, Hong HS. The effect of knowledge and attitude on fall prevention activities among nursing staff in long-term care hospitals. Open Journal of Nursing. 2020;10(7):676-92. DOI: 10.4236/ojn.2020.107048.

8. Lee IK, Choi JY. Factors associated with nurses' activities for hospital fall prevention. *The Korean Journal of Rehabilitation Nursing*. 2013;16(1):55-62. <https://doi.org/10.7587/kjrehn.2013.55>.
9. Kim S, Jeon, HW. A study on the elderly care facilities worker's attitude and awareness of associated factors of falls. *J Vocat Educ Res*. 2011;30(4):89-111.
10. Đinh Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Minh Chính, Ngọc PTB. Thực trạng và một số yếu tố liên quan tới kiến thức đánh giá nguy cơ người bệnh té ngã của Điều dưỡng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định năm 2020. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*. 2020;3(5):120-8.
11. Lê Thị Ngọc Hạnh, Võ Nguyên Trung, Nga VTT. Kiến thức, thái độ và thực hành của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã cho người bệnh trước phẫu thuật. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2020:45-51.
12. Ghanim S, Mohamed, S., Mohamed, A., Hassan, H. Nurses' Knowledge and Practice for Reducing Falls among Older Adult Women. *NILES journal for Geriatric and Gerontology*. 2024:104-26.
13. Hassan HE, Mohammed SA, Ghanem SS, Mohammed AA. Correlation between Nurses' Knowledge and Practices Regarding Fall Prevention among Elderly Women. *J Biomedical Research and Clinical Reviews*. 2024;9(2). <https://doi.org/10.31579/2692-9406/185>.
14. Wen J, Wen J, Jing W, He H, Ren J. The knowledge, attitude, and practice toward fall prevention of parturients in the obstetric inpatient wards: a comparative cross-sectional study between nurses and parturients. *Frontiers in Public Health*. 2025;13:1412111. doi: 10.3389/fpubh.2025.1412111.